

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẦU KÈ  
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2025/DS-ST  
Ngày: 21-4-2025  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ - TỈNH TRÀ VINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Chí Điền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Ngô Thanh Xuân.

Bà Trần Thị T Phụng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Thi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 248/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2024, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-DS, ngày 19 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2025/QĐST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Trần Văn Đ, sinh ngày 05/7/1964 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

**- Bị đơn:** Bà Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Lê Thị N, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 8 năm 2024 (BL 01) và trong quá trình xét xử ông Trần Văn Đ là nguyên đơn trình bày:**

Vào ngày 16/02/2021 (dl) ông có cho bà Trần Thị Ngọc T mượn số tiền là 98.000.000 đồng, lần thứ hai không nhớ ngày tháng năm nào bà cho bà T mượn thêm số tiền là 28.000.000 đồng. Tổng cộng hai lần mượn là 126.000.000 đồng. Lúc cho mượn thì có làm biên nhận do tự bà Trần Thị Ngọc T viết và ký tên. Trong biên nhận không có thỏa thuận thời gian trả và thỏa thuận lãi do T là chỗ con cháu của ông.

Nguồn tiền ông cho bà Trần Thị Ngọc T mượn là của vợ chồng ông với bà Nhiên cùng tạo lập mà có. Ông đã nhiều lần đòi nợ nhưng đến nay bà Trần Thị Ngọc T vẫn chưa trả. Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết buộc bà Trần Thị Ngọc T phải trả số tiền còn thiếu là 126.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ 05/8/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền là 8.924.160 đồng.

- Bà Trần Thị Ngọc T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt và cũng không cung cấp lời khai cho Tòa án.

- Bà Lê Thị N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn trình bày:

Bà là vợ của ông Trần Văn Đ, bà thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của ông Đ, không bổ sung gì thêm.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, không ai cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới và không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm ai. Tranh luận thì ông Trần Văn Đ và bà Lê Thị N không tham gia tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh phát biểu quan điểm:

Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Đối với bị đơn từ khi thụ lý vụ án đến nay không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thông qua việc kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Đ. Buộc bà Trần Thị Ngọc T có trách nhiệm trả cho ông Trần Văn Đ số tiền là 126.000.000 đồng và tiền lãi là 8.924.160. Tổng cộng gốc và lãi là 134.924.160 đồng.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị buộc bà Trần Thị Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm ngày hôm nay, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng; Đồng thời triệu tập hợp lệ bà Trần Thị Ngọc T (do mẹ ruột là bà Lê Thị Th nhận thay và đã giao, thông báo lại cho bà T biết) đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, hôm nay là phiên tòa mở lần thứ hai nhưng bà T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ vào các điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị Ngọc T theo quy định pháp luật.

#### **[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:**

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời trình bày của các đương sự và tất cả các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn trong vụ án có hộ khẩu thường trú tại xã Ninh Thới, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Ông Trần Văn Đ khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Ngọc T phải trả số tiền vay còn thiếu là 126.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình thì ông Đ có cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ là “*Biên nhận mượn tiền*” do bà T viết và ký tên ngày 16/02/2021 (dương lịch) có nội dung là bà T có mượn của ông Đ số tiền là 126.000.000 đồng. Quá trình tố tụng thì Tòa án có ban hành Thông báo cho bà T biết về việc cung cấp ý kiến đối với tài liệu, chứng cứ do ông Đ nộp. Tòa án tiến hành lấy lời khai của bà Lê Thị Th là mẹ ruột của bà T thì bà Thứ khai rằng “...*T có nói lại với tôi là đồng ý trả cho ông Đ số tiền 126.000.000 đồng, còn phần lãi thì không đồng ý vì hiện nay T đi làm thuê nên hoàn cảnh kinh tế khó khăn...*” (BL 41). Như vậy thấy rằng bà T thừa nhận có thiếu ông Đ số tiền 126.000.000 đồng nên việc ông Đ khởi kiện yêu cầu bà T phải trả số tiền 126.000.000 đồng là có căn cứ.

Về lãi suất: Xét thấy việc ông Trần Văn Đ yêu cầu tính lãi từ ngày khởi kiện là ngày 05/8/2024 với mức lãi theo quy định pháp luật là có căn cứ. Bởi lẽ, tại Điều 357 Bộ Luật dân sự năm 2015 quy định về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền như sau: “*1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. 2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này*”.

Như vậy tính từ ngày khởi kiện là ngày 05/8/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 21/4/2025 là 08 tháng 16 ngày. Như vậy tiền lãi được tính như sau: 126.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 08 tháng 16 ngày = 8.924.160 đồng. Như vậy, cần buộc bà Trần Thị Ngọc T có nghĩa vụ trả lãi cho ông Trần Văn Đ số tiền là 8.924.160 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Đ là có căn cứ nên cần buộc bà Trần Thị Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Tòa án và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khách quan có trong hồ sơ vụ án nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 116, 117, 119, 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Đ.

Buộc bà Trần Thị Ngọc T có trách nhiệm trả cho ông Trần Văn Đ số tiền vay còn thiếu là 126.000.000 đồng và số tiền lãi là 8.924.160 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 134.924.160 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Trần Thị Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 6.746.208 đồng (134.924.160 đồng x 5%). Ông Trần Văn Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp là người cao tuổi.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè;
- Chi cục THADS huyện Cầu Kè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Chí Điền**

